

ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TRONG CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM HIỆN NAY

LÊ QUANG SƠN - HOÀNG NAM HẢI*

Ngày nhận bài: 07/09/2017; ngày sửa chữa: 14/09/2017; ngày duyệt đăng: 28/09/2017.

Abstract: The teaching staff in general, primary teaching staff in particular, is core element to ensure success of implementation of new general education scheme. Therefore, training and improving the quality of teaching staff at pedagogical universities is required to meet requirements of education reform. This innovation requires changes in training forms and methods. Based on some training models of primary teachers of some advanced countries in the world, the article proposes the training model for Bachelor of primary education with aim to meet the needs and missions of the education in our country in current period.

Keywords: Model, training model, bachelor, primary education, new general education programs.

1. Đặt vấn đề

Bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng với việc tham gia của các tổ chức quốc tế và khu vực (ASEAN, 1996; ASEM, 1996; APEC, 1998), đặc biệt việc tham gia WTO (2007) và kí kết GATS thúc đẩy một sự đổi mới căn bản cách làm giáo dục (GD) ở Việt Nam. Chiến lược phát triển GD 2011-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ) và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GD-ĐT), đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đặt vấn đề phải đổi mới căn bản và toàn diện GD để đáp ứng những yêu cầu của bối cảnh phát triển KT-XH của đất nước trong giai đoạn mới. Một trong những nội dung quan trọng của đổi mới căn bản và toàn diện GD Việt Nam là xây dựng và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới. CTGDPT mới (sau đây gọi tắt là Chương trình) định hình một cách làm mới về GD. Mặc dù Chương trình mới còn đang được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi trong giới chuyên môn và xã hội, và có thể còn có những điều chỉnh, tuy nhiên những yếu tố cốt lõi của Chương trình đã được xác định trong các định hướng và chiến lược về đổi mới GD thể hiện trong Chiến lược phát triển GD 2011-2020 và Nghị quyết số 29-NQ/TW. Do vậy, có thể dựa trên thiết kế Chương trình tổng thể để nhận diện những thách thức trong thực hiện chương trình, và từ đó hình dung những giải pháp cần thiết để đổi mới đào tạo giáo viên (ĐTGV).

Những thách thức của bối cảnh hội nhập quốc tế, yêu cầu đổi mới GD dẫn đến những yêu cầu mới đối với giáo viên tiểu học (GVTH), và tất yếu kéo theo sự cấp thiết phải đổi mới việc ĐT, tiếp thu kinh nghiệm thế giới về ĐT GVTH để điều chỉnh mô hình ĐT.

2. Nội dung

2.1. Những thách thức đối với ĐT GVTH trong giai đoạn mới

Quán triệt những định hướng lớn của đổi mới căn bản và toàn diện GD, Chương trình mới chứa đựng những *thay đổi lớn* về mục tiêu, cấu trúc hệ thống, nội dung, phương thức và điều kiện thực hiện so với chương trình hiện hành.

Về mục tiêu, Chương trình xác định Mục tiêu tổng quát ĐT con người là vừa ĐT con người Việt Nam phát triển toàn diện, yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; vừa đảm bảo phát huy tốt nhất tiềm năng riêng của mỗi cá nhân.

Về mục tiêu hệ thống, Chương trình hướng đến xây dựng nền GD mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lí tốt; có cơ cấu và phương thức GD hợp lí, gắn với xây dựng xã hội học tập; chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế hệ thống GD - ĐT; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

Về mục tiêu cụ thể, Chương trình mới xác định 8 phẩm chất và 2 loại năng lực cần hình thành ở người học. Các phẩm chất được gói trong: Nhân ái - Khoan dung, Chăm chỉ - Tiết kiệm, Trách nhiệm - Kỉ luật, Trung thực - Dũng cảm. Về năng lực, Chương trình xác định lại 2 loại năng lực: cốt lõi (ai cũng cần để có thể sống và làm việc) và chuyên biệt (chỉ có và cần ở một số người nhất định). Trong những năng lực cốt lõi có hai nhánh: năng lực chung (môn nào cũng cần phải và cũng có thể hình thành và phát triển cho học sinh), gồm tự chủ, hợp tác và sáng tạo. Nhánh thứ hai là những năng lực đặc thù do một hoặc một vài môn

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

học kiến tạo thành, trong đó có năng lực giao tiếp (gắn với các môn ngôn ngữ, văn học, ngoại ngữ), năng lực thẩm mĩ (gắn với các môn nghệ thuật); năng lực toán học (gắn với toán và các môn khoa học tự nhiên khác); năng lực tin học; năng lực thể chất.

Về cấu trúc hệ thống, Chương trình phân biệt giai đoạn GD cơ bản và GD định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn GD cơ bản gồm các cấp tiểu học và trung học cơ sở; còn giai đoạn GD định hướng nghề nghiệp là cấp học trung học phổ thông. Trong cấp trung học phổ thông, lớp 10 là giai đoạn định hướng nghề nghiệp còn lớp 11-12 là giai đoạn tiếp cận nghề nghiệp.

Về nội dung, hệ thống các môn học của Chương trình được chia thành các môn học bắt buộc toàn phần (như chương trình cũ), môn học bắt buộc có phân hóa, môn học tự chọn và môn học tự chọn bắt buộc. Ngoài các môn học và hoạt động chung có tính toàn quốc, Chương trình còn bao gồm các nội dung GD địa phương để đảm bảo tính phù hợp địa phương. **Cấp tiểu học** sẽ có các môn học bắt buộc toàn phần là: Tiếng Việt, Ngoại ngữ 1, Toán học, GD lối sống, Cuộc sống quanh ta/Tìm hiểu xã hội, Tìm hiểu tự nhiên. Nội dung bắt buộc có phân hóa (tự chọn module), gồm: Kỹ thuật và Tin học, GD thể chất, Nghệ thuật, hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Môn học tự chọn gồm: Tiếng dân tộc thiểu số và hoạt động tự học có hướng dẫn.

Về phương thức tổ chức hoạt động dạy học và GD, Chương trình mới có thay đổi mang tính đột phá ở việc học sinh được chọn các môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và điều kiện tổ chức của nhà trường. Các trường được xây dựng các tổ hợp môn học để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên (GV), cơ sở vật chất của nhà trường. Đối với nội dung GD của địa phương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xây dựng, thẩm định nội dung GD văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương để đưa vào chương trình GD và báo cáo Bộ GD-ĐT phê duyệt. **Dạy - học tích hợp** trong nội bộ các môn học và liên môn được thực hiện ở cả 3 cấp học.

Về phương pháp GD, các môn học và hoạt động GD trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến

thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển. Về đánh giá, việc đánh giá thường xuyên do GV phụ trách môn học tổ chức, dựa trên kết quả đánh giá của GV, của phụ huynh học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác trong tổ, trong lớp.

Để vận hành CTGDPT một cách trơn tru, ngành GD cần một đội ngũ GVTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp mới. Do đó, bên cạnh việc bồi dưỡng cho đội ngũ GV hiện hành, các trường sư phạm trọng điểm cần đổi mới trong cách ĐT GVTH. Hiện nay, mô hình ĐT GVTH trong các trường sư phạm vẫn còn nhiều hạn chế. Năng lực nghề nghiệp của các giáo sinh chủ yếu được hình thành thông qua việc học tập trên giảng đường, họ thiếu đi sự trải nghiệm thực tế trước khi hành nghề và nâng cao nghiệp vụ sau một quá trình hoạt động nghề nghiệp. Nhiệm vụ ĐT đội ngũ GV chủ yếu do các trường sư phạm mà thiếu vắng quy định phối hợp trách nhiệm của các trường phổ thông. Ngược lại, các trường sư phạm hầu như đứng ngoài cuộc trong việc bồi dưỡng thường xuyên năng lực nghề nghiệp cho GV phổ thông nói chung và GVTH nói riêng.

2.2. Kinh nghiệm ĐT GVTH trên thế giới

2.2.1. Mô hình ĐT GVTH tại Nhật Bản

Ở Nhật Bản, chương trình ĐTGV gồm ba phần: GD đại cương; GD chuyên nghiệp và kiến thức về nghề dạy học. Các trường đại học quốc lập, tư thục đều có thể tham gia ĐTGV. Để trở thành GV, người học phải hoàn thành một chương trình ĐT đại học hoặc thạc sĩ và phải hoàn thành chương trình ĐTGV quy định trong Luật Chứng chỉ nhân sự GD và tham gia kì thi cấp chứng chỉ dạy học do Hội đồng GD các tỉnh, thành phố tổ chức. Các chứng chỉ này được chia thành ba hạng: Cao cấp, hạng nhất và hạng nhì tùy thuộc vào trình độ của ứng viên dự thi. Chứng chỉ dạy tiểu học cho phép dạy tất cả các môn học. Trong hệ thống các trường ĐTGV, các trường cao đẳng cấp chứng chỉ hạng hai; các trường đại học có khoa GD cấp chứng chỉ hạng nhất; các trường đại học có ĐT thạc sĩ, cấp chứng chỉ cao cấp cho việc giảng dạy mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trung học nghề [4].

Tốt nghiệp 1 ĐH hoặc thạc sĩ	Chương trình ĐT GVTH lấy chứng chỉ	Sau 10 năm
	Cao cấp (Thạc sĩ): 8tc chuyên môn 41tc sư phạm 34tc bổ sung	Khóa gia hạn CC do trường ĐH cấp
	Hạng nhất (Đại học): 8tc chuyên môn 41tc sư phạm 10tc bổ sung	
	Hạng hai (cao đẳng): 4tc chuyên môn 31tc sư phạm 2tc bổ sung	

Sơ đồ 1. Mô hình ĐT GVTH của Nhật bản [4]

2.2.2. Mô hình ĐT GVTH tại Đức

Chính phủ Đức quy định thời gian ĐT để trở thành GVTH chia ra làm 2 giai đoạn:

1) Giai đoạn ĐT trong trường đại học, được chia làm 2 tiểu giai đoạn:

+ Giai đoạn ĐT cử nhân (Bachelor of Education): Giai đoạn này kéo dài từ 6 học kì, với 180 tín chỉ (trung bình 30 tín chỉ/ học kì, 1 tín chỉ tương đương 30 giờ làm việc bao gồm cả giờ lên lớp và giờ tự học);

+ Giai đoạn ĐT thạc sĩ (Master of Education): giai đoạn này kéo dài từ 2 - 4 học kì, tương đương 60 - 120 tín chỉ.

2) Giai đoạn ĐT tập sự: Sau khi nhận được bằng master, để trở thành GV thì sinh viên (SV) cần đăng kí ĐT tập sự tại Bộ GD của bang, thời gian ĐT tập sự là 01 năm (một số bang là 1,5 - 2 năm). Thời gian này SV chủ yếu làm công tác thực tập giảng dạy tại trường phổ thông và sau đó sẽ tham gia kì thi quốc gia để trở thành GV tại các trường phổ thông [5].

GIÁO DỤC TIỂU HỌC				
Môn 1 33tc	Môn 2 33tc	GD tiểu học 87tc	Khoa học GD 18tc	Bachelor 180tc
9tc Luận văn Bachelor				
Môn 1 24tc	Môn 2 24tc	GD tiểu học 12tc	Khoa học GD 18tc	Master 120tc
24tc Thực tập trường học				
18tc Luận văn Master				

Sơ đồ 2. Mô hình ĐT GVTH của CHLB Đức ([5], [6])

Thực tập trong giai đoạn Bachelor:

- *Thực tập định hướng*: Thực hiện trong suốt học kì 1, thời gian 3 tuần, mỗi tuần SV xuống trường tiểu học 1 buổi để được trải nghiệm thực tiễn; công việc chính là dự giờ. Trong đợt thực tập này SV quan sát giờ học với tư cách là nhà sư phạm, từ quan sát này họ có thể soi rọi vào bản thân. Trong giai đoạn này mỗi SV có thể chọn cho mình một trọng tâm, chẳng hạn SV tập trung quan sát xem GV mở bài, giải quyết các tình huống sư phạm như thế nào. Mỗi quan sát đều được SV ghi chép lại sau đó giải thích bằng kiến thức lí luận. Quan trọng trong giai đoạn này là phát triển tâm lí nghề nghiệp cho SV. Năng lực được hình thành trong đợt thực tập này là *năng lực quan sát*.

- *Thực tập sư phạm (TTSP) - tâm lí học*: Có thể tổ chức từ học kì 3 - học kì 5, thời gian thực tập là 3 tuần. Trong thời kì này SV chưa dạy nhưng phải tiến hành một hoạt động sư phạm chẳng hạn như lãnh đạo một nhóm hoạt động âm nhạc hoặc thể thao hoặc đến nhà học sinh để thực hiện các công tác GD hoặc hỗ trợ học sinh giải quyết các bài tập về nhà. Sản phẩm là: báo cáo thực tập và một bài trình bày. Năng lực

được hình thành là: *Tự tổ chức và chịu trách nhiệm về tổ chức một hoạt động sư phạm*.

- *Thực tập về lí luận dạy học chuyên ngành*: Đợt thực tập này thường được tổ chức trong các học kì cuối của khóa học Bachelor. Mỗi tuần trong học kì SV sẽ xuống trường phổ thông 1 ngày, mỗi nhóm gồm 3 SV, khi 1 SV dạy thì 2 SV còn lại dự giờ cùng GV hướng dẫn, sau đó sẽ tiến hành đánh giá và rút kinh nghiệm. Như vậy, trong đợt này lần đầu tiên SV được chuẩn bị phác thảo kế hoạch dạy một bài học và chuẩn bị những tình huống ngoài kế hoạch, thực hiện và đánh giá một giờ học. Năng lực trọng tâm được hình thành trong giai đoạn này là *năng lực nghề nghiệp*.

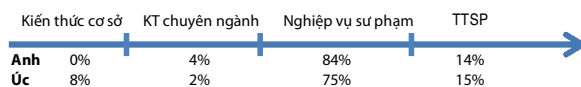
Thực tập trong giai đoạn Master:

- *Thực tập chẩn đoán tâm lí*: Kì đầu của giai đoạn Master, thời gian 1 tuần. SV không chỉ dự giờ mà còn phải có khả năng chẩn đoán tâm lí học sinh qua tiếp xúc ngoài giờ. Năng lực trọng tâm hướng đến trong đợt thực tập này là: *năng lực quan sát học sinh, năng lực sử dụng các câu hỏi và trao đổi để chuẩn đoán được tâm lí của học sinh*.

- *Thực tập giảng dạy tại trường tiểu học*: Đợt thực tập này được tổ chức trong kì 3 của giai đoạn Master, thời gian thực tập là 14 tuần. Trong đợt thực tập này, SV sẽ dự giờ, thực hiện các giờ dạy với sự chỉ đạo của GV hướng dẫn là giảng viên đại học và cuối cùng là tự thực hiện các giờ dạy. Mỗi SV phải dạy 30 giờ cho mỗi bộ môn (60 giờ cho 2 môn) và SV phải trình bày hồ sơ mô tả về tiến trình thực tập. Năng lực trọng tâm được hướng tới là: *Tập luyện một cách phức hợp 5 lĩnh vực năng lực của GV*.

2.2.3. Mô hình ĐT GVTH tại Anh và Úc [7]

Chương trình ĐT GVTH ở Úc được thiết kế trong 4 năm học, khoảng 450 - 500 điểm tín chỉ (1 tín chỉ trị giá 15 điểm tín chỉ). Chương trình ĐT của Anh được thiết kế 3 năm, mỗi năm chỉ khoảng 5 học phần, nhưng mỗi học phần có từ 10 đến 20 tín chỉ (xem *bảng 1* trang bên).



Sơ đồ 3. Mô hình ĐT GVTH của Anh và Úc [7]

2.3. Đề xuất những điều chỉnh trong ĐT GVTH

2.3.1. Đề xuất mô hình ĐT GVTH

- *Giai đoạn ĐT và tập sự nghề nghiệp trước khi hành nghề*:

Nhiều công trình nghiên cứu về thực trạng ĐTGV của các nước trên thế giới cho thấy sự mất cân đối giữa ĐT kiến thức chuyên ngành với nghiệp vụ, giữa lí thuyết với thực hành. Thời gian cho TTSP trong ĐTGV cũng khác nhau, chẳng hạn Nhật Bản quy định 3

Bảng 1. Mô hình ĐT GVTH của một số trường đại học ở Anh và Úc

	Northumbria - Anh	Greenwich - Anh	Trung bình tỉ lệ % Anh	Western Sydney - Úc	Queensland - Úc	Latrobe Úc	Trung bình tỉ lệ % Úc
Kiến thức cơ sở	Không có	Không có	0%	4 HP 60 điểm tín chỉ	Không có	3 HP 45 điểm tín chỉ	8%
Kiến thức chuyên ngành	Không có	2 HP 40 điểm tín chỉ	4%	2 HP 30 điểm tín chỉ	Không có	Không có	2%
Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	12 HP 360 điểm tín chỉ	18 HP 360 điểm tín chỉ	82%	20 HP 300 điểm tín chỉ	26 HP 390 điểm tín chỉ	29 HP 360 điểm tín chỉ	75%
TTSP	3 đợt 60 điểm tín chỉ	3 đợt, 8 tuần/đợt 60 điểm tín chỉ	14%	4 đợt 60 điểm tín chỉ	5 đợt 75 điểm tín chỉ	4 đợt 75 điểm tín chỉ	15%
Tổng cộng	15 HP 420 tín chỉ	23 HP 460 tín chỉ	100%	30 HP 450 tín chỉ	31 HP 465 tín chỉ	35 HP 480 tín chỉ	100%

tuần, Trung Quốc: 6 tuần, Hàn Quốc: 4 tuần, Singapore: 10 tuần, Đài Loan: 3 tuần; Việt Nam 10 tuần. Do đó, xu thế xây dựng một chương trình ĐT GVTH đảm bảo sự cân đối hài hòa giữa lí thuyết và thực hành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm đã trở nên đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Mặt khác, hiện nay đổi mới GD trên thế giới đang diễn ra theo các xu hướng: dạy học lấy học sinh làm trung tâm; chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học; xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ; xu hướng GD vì sự phát triển bền vững, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Như vậy, đổi mới GD phổ thông nói chung, GD tiểu học nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng của ngành GD Việt Nam. Để ĐT một thể hệ GVTH đáp ứng yêu cầu của CTGDPT tổng thể mới, cần phải xây dựng lại chương trình ĐT GVTH phù hợp với chuẩn mới của họ. Chương trình ĐT mới vừa kế thừa truyền thống, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện GD, chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực người học. Lực lượng tham gia ĐT GVTH không chỉ các trường sư phạm trọng điểm mà đòi hỏi sự vào cuộc của các trường tiểu học.

Từ mô hình ĐT GVTH của một số nước tiên tiến trên thế giới, từ xu hướng đổi mới GD, CTGDPT tổng thể mới và chuẩn đầu ra, chúng tôi đề xuất mô hình ĐT cử nhân sư phạm tiểu học đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn mới của GD Việt Nam sau năm 2018 trong giai đoạn trước hành nghề và tập sự nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra của chương trình ĐT cử nhân sư phạm tiểu học, bao gồm 8 tiêu chuẩn với 39 tiêu chí. Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất, đạo đức nhà giáo, gồm 3

tiêu chí; Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu người học và môi trường GD, gồm 5 tiêu chí; Tiêu chuẩn 3: Năng lực GD, gồm 8 tiêu chí; Tiêu chuẩn 4: Năng lực dạy học, gồm 10 tiêu chí; Tiêu chuẩn 5: Năng lực giao tiếp, gồm 3 tiêu chí; Tiêu chuẩn 6: Năng lực đánh giá trong GD, gồm 4 tiêu chí; Tiêu chuẩn 7: Năng lực hoạt động xã hội, gồm 3 tiêu chí; Tiêu chuẩn 8: Năng lực phát triển nghề nghiệp, gồm 4 tiêu chí. Ngoài ra, SV còn phải đảm bảo chuẩn đầu ra B1 về ngoại ngữ và Tin học ứng dụng cơ bản.

Khung chương trình được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô hình ĐT cử nhân sư phạm tiểu học sau 2018

Năm	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4		Tổng
Học kì	1	2	3	4	5	6	7	8	
Kiến thức chung	0	7tcBB	9tcBB	2tcBB	3tcBB	0	0		21tc
Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	17tcBB	14tcBB 4tcTC	8tcBB 2tcTC	2tcBB 2tcTC	4tcBB 2tcTC	2tcBB 2tcTC	6tcBB 2tcTC		53tcBB 14tcTC
Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	0	0	4tcBB 2tcTC	17tcBB 4tcTC	12tcBB 2tcTC	12tcBB		6tcTC	45tcBB 14tcTC
TTSP		2 tuần		2 tuần	6 tuần		10 tuần		6tcBB
GĐTC	1tc	1tc	1tc	1tc	1tc				5tcBB
GDQP		4 tuần							4 tuần
Tổng	17tc	25tc	25tc	27tc	23tc	16tc	8tc	6tc	153

* (tc: tín chỉ; BB: bắt buộc; TC: tự chọn)

Tỉ lệ: TTSP 4,4%; Kiến thức chung: 15,6%; Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 43%; Kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 37%; Học phân tự chọn: 20,8%. Tỉ lệ giữa lí thuyết và thực hành trong các học phần: 60 - 40. Tổng thời gian ĐT 4 năm với 135 tín chỉ, trong đó 125 tín chỉ bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn.

TTSP năm thứ nhất và thứ 2 chủ yếu SV quan sát thực tiễn dạy học ở trường tiểu học, sản phẩm là bản báo cáo thu hoạch; thực tập năm 3 có thêm công tác chủ nhiệm, giảng dạy 1 - 2 tiết, sản phẩm là bản báo cáo thu hoạch, đánh giá của GV hướng dẫn; thực tập năm 4 chủ yếu là hoạt động GD, chủ nhiệm và giảng dạy 10 -15 tiết, sản phẩm là bản báo cáo thực tập và đánh giá xếp loại của trường tiểu học. 4 tuần đầu, mỗi tuần SV xuống trường tiểu học 2 buổi. Năm 3 và 4, SV xuống trường tiểu học ít nhất 2 ngày.

- Giai đoạn bồi dưỡng thường xuyên trong hoạt động nghề nghiệp:

Giai đoạn này, GVTH sẽ được bồi dưỡng một số chuyên đề tự chọn và bắt buộc. Các trường sư phạm, trên cơ sở khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của đội ngũ GV sẽ thiết kế các chuyên đề và tổ chức bồi dưỡng cho GV theo các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai. Thực tế trong những năm qua, việc bồi

đương thường xuyên của đội ngũ GVTH còn mang tính hình thức chưa thực sự hiệu quả. Để GV có thể đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn mới cần sự vào cuộc quyết liệt của các trường sư phạm trọng điểm quốc gia.

2.3.2. Thử nghiệm mô hình đề xuất

Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN trong thời gian qua đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo có sự tham gia của các sở GD-ĐT, phòng GD-ĐT của các quận, huyện, và nhiều trường phổ thông trên địa bàn Đà Nẵng và Quảng Nam. Kết quả các bên liên quan đều thống nhất cao, ủng hộ tuyệt đối cho mô hình thực tập sư phạm vệ tinh mới. Trên cơ sở đó, Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN đã tổ chức triển khai thử nghiệm mô hình TTSP vệ tinh:

- Đợt thử nghiệm thứ nhất được tiến hành trong năm 2016, với 30 giáo sinh Khoa GD Tiểu học, khóa tuyển sinh năm 2013. Kết quả 100% giáo sinh thực tập được xếp loại giỏi, 100% giáo sinh ra trường đều được đi dạy ngay. Thời gian ĐT của các em được rút ngắn còn 3,5 năm.

- Đợt thử nghiệm thứ hai được tiến hành trong năm 2017-2018, với 68 giáo sinh Khoa GD Tiểu học. Đợt 1, các em thực tập sư phạm vệ tinh tại hai trường tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ và Nguyễn Văn Trỗi trên địa bàn Đà Nẵng, trong thời gian 10 tuần ở học kì 6; đợt 2 các em cũng về thực tập ở hai trường đó trong thời gian 10 tuần của học kì 7.

Ngày 29/8/2017, Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN tổng kết công tác TTSP vệ tinh của đợt khảo nghiệm thứ 2. Đánh giá chung về năng lực tổ chức GD học sinh các giáo sinh được đánh giá 100% giáo sinh đã làm tốt công tác chủ nhiệm lớp, bám sát kế hoạch công tác tuần. Các cơ sở thực tập đều đánh giá cao về chất lượng GD-ĐT chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của nhà trường. Các giáo sinh đều tự tin với hoạt động nghề nghiệp được trải nghiệm, đúc rút trong các đợt TTSP vệ tinh. Kết quả 100% giáo sinh đều được xếp loại giỏi trong TTSP vệ tinh.

Khảo sát ý kiến của các giáo sinh về TTSP vệ tinh trong đợt 2 của đợt khảo nghiệm thứ hai, có 31/55 SV đồng ý cho rằng mô hình thực tập sư phạm vệ tinh đáp ứng nhu cầu của người học, chiếm tỉ lệ 56,4%; 80% SV đồng ý cao với câu hỏi: Nội dung mô hình TTSP vệ tinh phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành học.

Khảo sát ý kiến của 22 GV hướng dẫn giáo sinh trong các trường thực tập vệ tinh, có 82% ý kiến cho rằng: Mô hình TTSP vệ tinh có mục tiêu và chuẩn đầu ra phù hợp với nhu cầu của xã hội và nội dung mô hình TTSP vệ tinh phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành học; 100% GV hướng dẫn đồng ý cho

rằng mô hình TTSP vệ tinh giúp giáo sinh tiếp cận với thực tiễn phổ thông sớm hơn, hiệu quả hơn mô hình thực tập truyền thống.

3. Kết luận

3.1. Kết luận

Thực hiện nguyên lí học đi đôi với hành, lí luận gắn liền với thực tiễn, mô hình ĐT cử nhân sư phạm tiểu học tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN thực sự đã tạo ra sự khác biệt trong ĐT nghiệp vụ sư phạm cho SV. Bên cạnh nhiệm vụ học tập, SV được trải nghiệm thực tiễn ngay từ năm thứ nhất và quá trình đó kéo dài trong suốt 4 năm học. Với mô hình ĐT mới này, quá trình học tập trên giảng đường đã tiệm cận đến thực tiễn GD ở các trường tiểu học. SV tốt nghiệp không những đáp ứng chuẩn nghề nghiệp mới mà còn có năng lực GD và năng lực dạy học cao, các em đã sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và GD theo yêu cầu của CTGDPT cũng như sự nghiệp đổi mới của GD Việt Nam.

3.2. Khuyến nghị

Mô hình mà chúng tôi đề xuất và tổ chức thử nghiệm đã cho thấy sự hiệu quả của nó trong việc ĐT đội ngũ GVTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và chuẩn bị sẵn sàng cho việc dạy học theo CTGDPT mới. Vì vậy, chúng tôi đề nghị cần có sự ủng hộ và vào cuộc của Bộ GD-ĐT, các trường sư phạm trọng điểm quốc gia trong việc quy hoạch ĐT sư phạm cũng như những thể chế trách nhiệm của các trường phổ thông và các trường sư phạm trong các giai đoạn của mô hình ĐTGV nói chung và GVTH nói riêng. □

Tài liệu tham khảo

- [1] <http://nhandan.com.vn/giaoduc/tin-tuc/item/28029302-thay-doi-phai-tu-cac-truong-su-pham.html>
- [2] <http://dantri.com.vn/su-kien/thu-tuong-doi-moi-giao-duc-se-khong-thanh-cong-neu-khong-quan-tam-toi-doi-ngu-thay-co-giao-20170719194122924.htm>
- [3] Hoàng Phê (2001). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [4] Mai Quang Huy (2014). *Những thay đổi trong đào tạo giáo viên tại Nhật Bản*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 30, số 1, tr 43-51.
- [5] Nguyễn Văn Cường - Cao Thị Hà - Nguyễn Danh Nam (2016). *Một số kinh nghiệm trong Đào tạo giáo viên tại Cộng hòa liên bang Đức*. http://khoatoan.dhsptn.edu.vn/487_MOT-SO-KINH-NHIEM-TRONG-DAO-TAO-GIAO-VIEN-TAI-CHLB-DUC-.html.
- [6] Lê Quang Sơn (2010). *Đào tạo giáo viên - Kinh nghiệm Cộng hòa Liên bang Đức*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 5 (40).
- [7] Hoàng Tuyết (2010). *Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học theo tín chỉ ở Anh và Úc*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 22, tr 135-147.